

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2020

V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia*

đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thê

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2020/TLST - HNGĐ, ngày 13/02/2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐ-ST ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1990 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Hiện đang lao động tại H

- Bị đơn: Anh Q; sinh năm 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn 7, Xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

(*Anh Q hiện đang lao động tại Đ, T*)

- Những người làm chứng:

1.Bà Lê Thị B; sinh ngày: 07/10/1968; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (mẹ đẻ của chị H) (*Có mặt*)

2.Bà Nguyễn Thị S; sinh ngày 01/02/1960; địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Q kết hôn vào ngày 28/10/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với nhau tại nhà bố mẹ chồng và sinh được một người con. Vì kinh tế khó khăn nên chị H anh Q bàn bạc để chị H đi nước ngoài; năm 2015, chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài tại Q nhưng chồng ghen tuông nên thường xuyên gọi điện chửi bới, xúc phạm chị H và bắt chị H về nước. Vào dịp tết năm 2016, chị H về Việt Nam thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, anh Q cũng bỏ đi. Sau một thời gian anh Q xuất cảnh, chị H tiếp tục đi xuất khẩu lao động ở Q và từ thời gian đó trở đi hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Theo chị H được biết thì hiện tại anh Q đang lao động tại Đ, T nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Chị H thấy vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ tình cảm với nhau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có một con chung là cháu Phan Thị Linh Đ, sinh ngày 19/7/2014; hiện nay cháu đang sống cùng với ông bà nội tại xã C, huyện C. Nguyên vọng của chị H là chị được trực tiếp nuôi con và do chị đang ở nước ngoài nên giao lại con cho ông bà nội, ngoại chăm sóc, hàng tháng chị sẽ gửi tiền về nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; đoạn 2 điểm b tiêu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC:

Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị H. Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Q.

Về con chung : Giao con chung là cháu Phan Thị Linh Đ, sinh ngày 19/7/2014 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh Q ở nước ngoài giao cháu cho bà Nguyễn Thị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Chị Phan Thị H cấp dưỡng nuôi con 2000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Phan Thị Linh Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Q hiện đang lao động tại Đ, T, không có địa chỉ cụ thể. Tại Công văn số: 2213/QLXNC-P5, ngày 25/2/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận thông tin: Q; địa chỉ: Thôn 7, Xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 29/3/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân của anh Q là bà Nguyễn Thị S (*là mẹ đẻ của anh Q*). Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020 và ngày 03/7/2020, bà S cho biết: Anh Q hiện nay đang lao động tại Đ có liên lạc với gia đình qua điện thoại, biết việc chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh Q không nêu ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai của anh Q, ngày 03/6/2020 anh Q có nguyện vọng 2 năm nữa về Việt Nam để giải quyết vụ án nếu như chị H còn có yêu cầu xin ly hôn; anh Q không nêu ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn và cũng không nói địa chỉ cụ thể của anh tại Đ và bà S cũng không cung cấp được địa chỉ của anh Q cho Tòa án. Ngoài ra, các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua gia đình bà S thì bà đều thông tin đầy đủ cho anh Q biết.

Căn cứ đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định, chị Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Q kết hôn vào ngày 28/10/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn quan tâm nhau. Hiện nay anh Q đi lao động ở Đ, T và vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Theo chị H thì mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn yêu thương nhau nên chị H yêu cầu ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân giữa chị H và anh Q không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quan tâm, giúp đỡ nhau. Theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*". Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị H, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Q để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng một con chung là cháu Phan Thị Linh Đ, sinh ngày 19/7/2014; hiện cháu đang sống cùng với ông bà nội. Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và do chị ở nước ngoài nên giao con cho ông bà nội, ông bà ngoại chăm sóc. Tại phiên tòa, anh Q có gọi điện cho Tòa án qua tài khoản facebook X và trình bày nguyện vọng nếu ly hôn anh Q muốn Tòa án giao con chung cho anh và ông bà nội sẽ thay anh nuôi dưỡng, chăm sóc, anh sẽ gửi tiền về cho ông bà để nuôi cháu Đan; về cấp dưỡng nuôi con thì Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngày 09/8/2020, bà Nguyễn Thị S (mẹ đẻ anh Q) có đơn trình bày nguyện vọng của ông bà nội được trực tiếp chăm sóc cháu vì cháu đã sống với ông bà nội từ nhỏ; tại phiên tòa Bà Lê Thị B (mẹ đẻ chị H) cũng trình bày từ trước đến nay cháu đều ở với ông bà nội nên nếu ông bà nội muốn nuôi cháu thì bà cũng đồng tình nếu Tòa án giao cháu cho ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy anh Q, chị H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con nhưng hiện nay anh Q, chị H đều làm ăn ở xa, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Từ trước đến nay cháu Phan Thị Linh Đ đều ở với ông bà nội. Do đó, giao cháu Phan Thị Linh Đ cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đan trong thời gian anh Q lao động ở nước ngoài; chị H phải cấp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đan trưởng thành. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi nào chị H, anh Q có yêu cầu về việc thay đổi người nuôi con thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: chị Phan Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự, đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ- HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị H. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Thị Linh Đ, sinh ngày 19/7/2014 cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh Q ở nước ngoài giao cháu cho ông bà nội tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Chị Phan Thị H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Phan Thị Linh Đ đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001790 ngày 13/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nên chị H tiếp tục phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã ;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thương Huyền